Sinh lý bệnh - Bài trắc nghiệm Sinh học - NỘI DUNG

Câu 1 **Sinh lý bệnh là môn học về:**

A. Cấu tạo hình thái của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào.

B. Chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào.

C. Rối loạn chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh.

D. Rối loạn cấu tạo hình thái của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh

Câu 2 **Sinh lý bệnh khởi phát từ đâu đến đâu:**

A. Từ tổng quát tới cụ thể.

B. Từ quy luật tới hiện tượng.

C. Từ tổng quát tới hiện tượng.

D. Từ thực tiễn tới lý luận.

Câu 3 **Nội dung của sinh lý bệnh:**

A. Sinh lý bệnh miễn dịch và Sinh lý bệnh cơ quan-hệ thống.

B. Sinh lý bệnh miễn dịch và Sinh lý bệnh đại cương.

C. Sinh lý bệnh miễn dịch và Sinh lý học.

D. Sinh lý bệnh cơ quan-hệ thống và Sinh lý bệnh đại cương.

Câu 4 **Phân loại bệnh theo:**

A. Triệu chứng của bệnh.

B. Tuổi và giới.

C. Mức độ nặng nhẹ của bệnh.

D. Biến chứng của bệnh.

Câu 5 **Bệnh thuộc quá trình sinh-lão-bệnh-tử :**

A. Trung Quốc.

B. Hy Lạp và La Mã cổ đại.

C. Cổ Ai Cập.

D. Cổ Ấn Độ.

Câu 6 **Không có biểu hiện lâm sàng nào, là thuộc thời kỳ nào của bệnh:**

A. Thời kỳ ủ bệnh.

B. Thời kỳ khởi phát.

C. Thời kỳ toàn phát.

D. Thời kỳ kết thúc.

Câu 7 **Nghiên cứu quá trình bệnh lý chung: viêm, sốt, rối loạn chuyển hóa, thuộc nhóm:**

A. Sinh lý bệnh đại cương.

B. Sinh lý bệnh cơ quan.

C. Sinh lý học.

D. Bệnh học.

Câu 8 **Vai trò của sinh lý bệnh:**

A. Tạo cơ sở về kiến thức để học tốt các môn lâm sàng.

B. Tạo cơ sở về phương pháp để học tốt các môn lâm sàng.

C. Tạo cơ sở về kiến thức và phương pháp để học tốt các môn lâm sàng.

D. Tạo cơ sở về kiến thức và phương pháp để học tốt các môn tiền lâm sàng.

Câu 9 **……..là một môn học nghiên cứu về những thay đôi chức năng của cơ thể, cơ quan, mô và tế bào khi chúng bị bệnh.**

A. Bệnh nguyên học

B. Bệnh sinh học

C. Bệnh học

D. Sinh lý bệnh

Câu 10 **Định nghĩa bệnh nguyên là môn học nghiên cứu về nguyên nhân**

A. Quyết định tính đặc trưng của bệnh

B. Chủ yếu làm bệnh phát sinh

C. Quyết định sự diễn biến của bệnh

D. Gây ra bệnh

Câu 11 **Quan niệm: Bệnh sinh ra do tác dụng tổng hợp của tất cả các điều kiện, trong đó mỗi điều kiện đều quan trọng như nhau. Là quan niệm thuộc học thuyết nào**

A. Thuyết điều kiện gây bệnh

B. Thuyết thể tạng

C. Thuyết 1 nguyên nhân

D. Thuyết hiện đại

Câu 12 **Quan niệm: Bệnh là do thể tạng. Là quan niệm thuộc học thuyết nào**

A. Thuyết điều kiện gây bệnh

B. Thuyết thể tạng

C. Thuyết 1 nguyên nhân

D. Thuyết hiện đại

Câu 13 **Quan niệm: Bệnh là do 1 nguyên nhân quyết định và chỉ một nguyên nhân ấy thôi cũng đủ gây ra bệnh thuộc học thuyết nào?**

A. Thuyết hiện đại

B. Thuyết thể tạng

C. Thuyết nguyên nhân đơn thuần

D. Thuyết điều kiện gây bệnh

Câu 14 **Quan niệm: Nguyên nhân quyết định tính đặc hiệu của bệnh là quan niệm thuộc:**

A. Thuyết thể tạng.

B. Thuyết điều kiện gây bệnh.

C. Quan niệm hiện nay.

D. Thuyết thể tạng.

Câu 15 **Trong bệnh nguyên học,..... là yếu tố quyết định gây ra bệnh.**

A. nguyên nhân

B. điều kiện

C. kiểu gen

D. thể tạng

Câu 16 **Trong bệnh nguyên học, ... là yếu tố tạo thuận lợi cho nguyên nhân phát huy tác dụng.**

A. nguyên nhân

B. điều kiện

C. di truyền

D. thể tạng

Câu 17 **..... là môn học nghiên cứu quy luật phát sinh, phát triển, kết thúc của bệnh**

A. Bệnh nguyên học

B. Bệnh sinh học

C. Bệnh học

D. Sinh lý bệnh

Câu 18 **Diễn biến của bệnh sinh bao gồm:**

A. Tki tiềm tàng, Tki ủ bệnh, Tki khởi phát, Tki toàn phát

B. Tki khởi phát, Tki toàn phát, Kthuc bệnh

C. Tki tiềm tàng, Tki khởi phát, Tki kết thúc

D. Tki ủ bệnh, Tki khởi phát, Tki toàn phát, Tki kết thúc bệnh hoặc chết.

Câu 19 **Cơ chế gây đau trong viêm cấp là do:**

A. Giải phóng các chất hoạt mạch

B. Tăng pH tại ổ viêm

C. Tăng nồng độ ion trong ổ viêm

D. Xung huyết động mạch, ổ viêm nhiều oxy

Câu 20 **Viêm là một phản ứng (1) Có tính quy luật của cơ thể. (2) Không có tính quy luật, phụ thuộc từng cá thể. (3) Chỉ có ở động vật có hệ thần kinh phát triển.**

A. (1)

B. (2)

C. (1) và (3)

D. (2) và (3)

Câu 21 **Vai trò của tế bào trong viêm**

A. Tổng hợp leucotriene và các prostaglandin

B. Làm cho bạch cầu xuyên mạch đến ổ viêm

C. Làm hàng rào ngăn cản vi khuẩn xâm nhập

D. Thực bào

Câu 22 **Tác dụng của hệ thống bổ thể trong quá trình viêm là:**

A. ngăn cản sự lan tràn của tác nhân gây viêm

B. góp phần gây đau

C. tạo hàng rào bao bọc ổ viêm

D. gây hoá hướng động bạch cầu

Câu 23 **Hệ thống kinin huyết tương tham gia phản ứng viêm với những vai trò sau đây, ngoại trừ:**

A. dãn mạch, tăng thấm thành mạch

B. gây đau

C. gây co thắt cơ trơn ngoài mạch máu

D. khu trú và tiêu diệt tác nhân gây viêm

Câu 24 **Các giai đoạn rối loạn tuần hoàn ổ viêm đúng, Ngoại trừ:**

A. Rối loạn vận mạch.

B. Thành lập dịch viêm

C. Bạch cầu xuyên mạch.

D. Hiện tượng chuyển hóa.

Câu 25 **Giai đoạn đầu của tăng sinh tế bào có đặc điểm cơ bản nào?**

A. Tăng sinh bạch cầu.

B. Tăng sinh tế bào nội mô.

C. Tăng sinh sợi bào.

D. Tổ chức hạt xơ hóa.

Câu 26 **Biểu hiện toàn thân của viêm cấp là đúng, NGOẠI TRỪ:**

A. Sốt

B. tăng bạch cầu.

C. Nhiễm toan.

D. Gia tăng lượng protein huyết tương.

Câu 27 **Đặc điểm cơ bản của rối loạn chuyển hóa glucid:**

A. Tăng acid lactic làm giảm pH tại ổ viêm.

B. Giảm acid lactic làm tăng pH tại ổ viêm.

C. Ứ đọng nhiều sản phẩm acid.

D. Ứ đọng nhiều sản phẩm dở dang của protid.

Câu 28 **Dịch rỉ viêm:**

A. Là loại dịch thấm

B. Có nồng độ protein cao hơn dịch gian bào

C. Có ít hồng cầu, bạch cầu

D. Có nồng độ fibrinogen thấp hơn dịch gian bào

Câu 29 **Hạ thân nhiệt, tùy theo mức độ người ta chia thành mấy loại?**

A. 2 loại

B. 3 loại

C. 4 loại

D. 5 loại.

Câu 30 **Hạ thân nhiệt ở người già thuộc mức độ hạ thân nhiệt**

A. sinh lý

B. nhân tạo

C. bệnh lý.

D. nhiễm lạnh

Câu 31 **Cơ chế chống lạnh bao gồm các phản ứng sau đây, NGOẠI TRỪ :**

A. Co mạch da.

B. Dựng lông (quan trọng ở các loài thú).

C. Run.

D. Huy động thần kinh phó giao cảm

Câu 32 **Hạ nhiệt bằng phương pháp đắp khăn lạnh trên trán có tác dụng:**

A. Giảm thân nhiệt ngoại vi bằng cơ chế bốc hơi nước.

B. Giảm thân nhiệt trung tâm bằng cơ chế bốc hơi nước.

C. Giảm thân nhiệt ngoại vi bằng cơ chế truyền nhiệt.

D. Giảm thân nhiệt trung tâm bằng cơ chế truyền nhiệt.

Câu 33 **Nguyên nhân gây tăng thân nhiệt đều đúng, NGOẠI TRỪ:**

A. Do tăng sinh nhiệt.

B. Do giảm thải nhiệt.

C. Do nhiễm lạnh.

D. Say nắng.

Câu 34 **Câu nào sau đây đúng:**

A. Sốt là thay đổi chủ động thân nhiệt.

B. Nhiễm lạnh là thay đổi chủ động thân nhiệt.

C. Say nắng là thay đổi chủ động thân nhiệt.

D. Cảm mạo là thay đổi chủ động thân nhiệt.

Câu 35 **Biểu hiện của sốt còn đang tăng là:**

A. Co mạch ngoại vi

B. Tăng bài tiết mồ hôi

C. Hô hấp tăng

D. Da bừng đỏ

Câu 36 **Cơ chế tăng nhịp tim là do**

A. hưng phấn thần kinh giao cảm.

B. hưng phấn thần kinh phó giao cảm.

C. ức chế thần kinh giao cảm.

D. ức chế thần kinh phó giao cảm

Câu 37 **3 giai đoạn của sốt :**

A. Sốt tăng: tăng riêng tạo nhiệt, thải nhiệt bình thường.

B. Sốt đứng: tạo nhiệt không tăng hơn nhưng thải nhiệt bắt đầu tăng lên.

C. Sốt đứng: tạo nhiệt tăng hơn và thải nhiệt bắt đầu tăng lên

D. Sốt lui: tăng thải nhiệt và tăng tạo nhiệt

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app